

Bản án số: 713/2022/DS-PT

Ngày 30 - 9 - 2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các thẩm phán:

Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 và 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1551/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 1/104, tổ 6, khu phố 1, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Huỳnh Quốc Th, sinh năm 1978;

- Ông Dương Văn M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Đình Chiểu, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1970

- Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Số 9A, căn 48 khu đô thị T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 UBND xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: ấp Cửa Lấp, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

3.2 Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1993

3.3 Chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

3.4 Bà Nguyễn Thị Th (Lem), sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp Lê Bát, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

3.5 Ông Ngô Triệu C;

Địa chỉ: ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

3.6 Anh Nguyễn Văn T

3.7 Chị Đỗ Thị Ph

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

4. Người làm chứng:

4.1 Anh Lê Hoàng Ph; Địa chỉ: ấp Suối Mây, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

4.2 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950; Địa chỉ: ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

4.3 Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1945; Địa chỉ: ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr là anh Huỳnh Quốc Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tr là cháu ruột của cụ Lê Thị B, dưỡng rể của bà Tr là cụ Trương Hữu Th, lúc bà Tr 04 tuổi, bà Tr đã sống chung với cụ B, cụ Th, như con trong gia đình, hai ông bà không có con, đến năm 1975 bà Tr lập gia đình, vẫn chung sống với cụ B, cụ Th, vài tháng sau khi kết hôn, để lo cho cuộc sống vợ chồng bà Tr đã khai khẩn đất để sinh sống, nay là thửa số 85, tờ bản đồ số 01 với diện tích 10.800m², tại ấp Đ, xã D, huyện Phú Quốc (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang.

Cũng trong thời gian này, năm 1975 bà Tr cùng chồng có khai khẩn thêm một thửa đất khoảng gần 10.000m² tại ấp Suối Cao, xã D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, để lại đất cho cụ Trương Hữu Th và dì là cụ Lê Thị B quản lý. Năm 1986 bà Tr cùng chồng và các con đi định cư và sinh sống ở nước ngoài (Pháp), để lại đất cho cụ Th và cụ B quản lý sử dụng.

Đến cuối năm 2002, cụ Th, cụ B đã lớn tuổi nên làm di chúc để lại miếng đất tại thửa số 85, tờ bản đồ số 01 với diện tích 10.800m², tại ấp Đ, xã D, huyện Phú Quốc, (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang cho bà Tr, đây là tài sản của vợ chồng bà Tr khai khẩn và để lại cho cụ Th, cụ B khi vợ chồng bà Tr sang nước ngoài sinh sống. Trong di chúc có ghi rõ khi cụ Th chết thì toàn bộ nhà đất tại thửa đất nói trên để lại cho cháu ruột là bà Nguyễn Thị Tr. Đến năm 2003 có đợt đăng ký làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cụ Th đã đăng ký đúng tên cụ Trương Hữu Th tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 01 với diện tích 10.800m² tại ấp Đ, xã D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Th, cụ B đã giao giấy tờ đất tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 01 với diện tích 10.800m² cho vợ chồng bà Tr quản lý và mang về Pháp cất giữ.

Anh Phạm Ngọc H không có quan hệ bà con với cụ Lê Thị B, ngày xưa anh H ở đất liền ra Phú Quốc sinh sống không có công ăn việc làm nên dì bà là cụ Lê Thị B thương tình đem về nhà lo công ăn việc làm, sau này anh H cưới cháu ngoại của em cụ B làm vợ. Sau năm 2005, cụ Th, cụ B lớn tuổi, cụ B đã trao đổi với chồng bà Tr, cho anh H một miếng đất khai khẩn tại ấp Suối Cao, đất đang trồng tiêu cho vợ chồng anh H là mảnh đất khi vợ chồng bà Tr sau khi kết hôn khai khẩn.

Là cháu ruột ở chung nhà, đất do vợ chồng bà Tr tạo dựng, do hoàn cảnh gia đình nên vợ chồng bà phải đi ra nước ngoài sinh sống, để lại đất và nhà cho cụ Th và cụ B trông coi, khi cuộc sống ổn định bà Tr cũng thường xuyên gửi tiền về chăm lo cho cụ Th, cụ B. Đến năm 2007 cụ Th chết bà Tr không có về. Nhưng đến năm 2011 vợ chồng bà Tr có về thăm cụ B, cụ B đã 87 tuổi, lúc nhớ lúc quên, có dấu hiệu lẫn, sức khỏe yếu ở nhà có thuê cháu là chị Thiều chị ruột của anh S cũng là cháu của cụ B lo chăm sóc cho cụ B và trông coi nhà đất. Năm 2012 cụ B đã 88 tuổi, không biết chữ, bà Tr không có mặt ở Việt Nam, nên anh H kết hợp với cậu vợ là anh S tìm mọi cách để hủy di chúc trước đây của cụ Th và cụ B đã làm di chúc cho bà Tr trong năm 2003, đồng thời làm di chúc mới lấy 2 diện tích thửa đất nói trên di chúc lại cho anh H và anh S. Trong quá trình hủy di chúc cũ, cụ B không có tờ di chúc, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ B đã 88 tuổi già lẫn, không người thân, mà Ủy ban nhân dân xã D vẫn làm theo yêu cầu của anh S, anh H. Đến tháng 6 năm 2019 anh S, anh H ngang nhiên vào lập hàng rào bằng dây kẽm gai, bao chiếm 2 diện tích đất thuộc quyền thừa kế của bà Tr tại thửa 85, tờ bản đồ số 01 ấp Đ, xã D. Tháng 11 năm 2019, anh S xây dựng một căn nhà cấp 4 ngay trên phần đất hiện đang tranh chấp.

Năm 2012, sau khi có văn bản thừa kế tài sản phát sinh cho anh H, anh S thì bà Tr không biết, sau năm 2014 khi bà về Việt Nam thăm nhà bà có gặp đầy đủ bà con trong gia đình, anh H, anh S cũng không báo lại việc cụ B thay đổi di chúc cho bà Tr biết.

Nay bà Tr yêu cầu: Tuyên bố hai văn bản hủy di chúc và di chúc do cụ Lê Thị B xác lập cùng ngày 23/11/2012 là vô hiệu do có sự ép buộc lừa dối của anh Nguyễn Thái S và anh Phạm Ngọc H. Việc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã D không đúng trình tự pháp luật quy định. Công nhận tờ di chúc do cụ Trương Hữu Th và cụ Lê Thị B xác lập ngày 03/01/2003 cho bà Nguyễn Thị Tr được thừa kế đất và nhà ở là hợp pháp. Đồng thời, công nhận quyền được thừa kế 10.800m² đất và nhà ở tại thửa 85 tờ bản đồ số 01 đất ấp Đ, xã D cho bà Nguyễn Thị Tr. Buộc anh Nguyễn Thái S thu dọn công trình xây dựng nhà trái phép tại thửa đất nêu trên do bà Tr được thừa kế và bồi thường thiệt hại do tranh chấp gây ra cho bà Tr.

Thông nhất với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chứng thư định giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn định giá Thịnh Vượng ngày 30/12/2020.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Thái S, anh Phạm Ngọc H là ông Phạm Đình T trình bày:

Vào ngày 23/11/2012 cụ Lê Thị B lập văn bản hủy di chúc liên quan đến phần tài sản chung với cụ Trương Hữu Th là diện tích 10.800m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc cấp 24/3/2004 (di chúc cho bà Nguyễn Thị Tr). Cùng ngày cụ Lê Thị B lập di chúc để lại thừa kế cho anh Nguyễn Thái S và anh Phạm Ngọc H 50% diện tích đất trong khối tài sản chung nêu trên của cụ B và cụ Th, cụ thể anh S, anh H được hưởng thừa kế theo nội dung di chúc là diện tích 6.278,3m² (tính cả phần diện tích tặng ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện có cả phần ngôi mộ và ngôi nhà cụ B ở). Trong phần diện tích đất anh S, anh H được hưởng thừa kế nêu trên thì chia ra hai phần bằng nhau (mỗi người được chia 3.139,15m², trong đó anh H được chia phần đất cho ngôi nhà và anh S được chia phần đất có ngôi mộ).

Bị đơn có đơn yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu Tòa án công nhận văn bản hủy di chúc ngày 23/11/2012 và công nhận di chúc 23/11/2012 của cụ Lê Thị B là có hiệu lực pháp luật. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 5.856,3m², tọa lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho anh H và anh S quản lý, sử dụng.

Thông nhất với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chứng thư định giá của Công ty Trách nhiệm hữu hạn định giá Thịnh Vượng ngày 30/12/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Văn Nh: có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Triệu C trình bày: Trước đây ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, anh Lê Hoàng Ph tham mưu

có trình với ông là trước đây cụ B, cụ Th có làm di chúc cho bà Tr, nay ông Thành chết, cụ B xin hủy một phần di chúc của cụ B, để di chúc lại cho anh H, anh S 2 diện tích đất theo di chúc ban đầu, do thời gian lâu quá ông không nhớ rõ là có mặt người làm chứng ký vào văn bản hay không, sau khi anh Ph trình các văn bản cho ông ký thì ông có xem lại các thủ tục, thời gian cụ B ký các văn bản nói trên là cụ B còn mạnh khỏe, minh mẫn, sáng suốt. cụ B là mẹ Việt Nam Anh hùng, hàng tháng anh H đều lên Ủy ban nhân dân xã D để nhận tiền chế độ chính sách cho cụ B, Do ông không có điều kiện đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, ông xin được xét xử mặt mặt tại Tòa án nhân dân đến khi kết thúc vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh L, chị Trần Thị Ngọc S cùng trình bày: Vợ chồng anh, chị được cha là ông Nguyễn Thái S cho cất căn nhà cấp 4, tường gạch, mái tol, nền gạch men, sân và nhà bếp làm bằng mái tiền chế. Thời điểm cất nhà vào năm 2018 đất tọa lạc tại ấp Đ, xã D, cũng là trên phần đất mà anh S, anh H được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Lê Thị B để lại, căn nhà hiện tại do vợ chồng anh, chị quản lý, sử dụng. Nay anh chị được biết phần đất này có căn nhà mà vợ có chồng anh, chị đang sinh sống thì có tranh chấp với bà Tr, việc tranh chấp giữa hai bà Tr với anh H, anh S thì vợ chồng anh, chị không có ý kiến gì, mọi quyết định là do cha anh, chị là anh Nguyễn Thái S quyết định. Trường hợp Tòa án giải quyết công nhận phần đất có căn nhà mà vợ chồng anh, chị đang sinh sống là của bà Tr thì vợ chồng anh, chị tự nguyện tháo dỡ căn nhà trả lại đất cho bà Trọng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc bất cứ khoản tài chính nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thiệu (Lem) trình bày: Bà đang ở trên căn nhà của cụ Lê Thị B tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, bà Tr là cháu ruột của của cụ Lê Thị B, sống chung với cụ B từ nhỏ, bà là cháu của cụ B (cụ Ba là dì ruột), do hoàn cảnh gia đình nên bà Nguyễn Thị Tr cùng chồng là ông Nghé đi ra nước ngoài sinh sống, không có điều kiện chăm sóc cụ B lúc tuổi già và trông coi nhà, vườn trong khu đất 10.800m², bà sống độc thân nên bà nhận lời với bà Tr ở lại căn nhà này trông coi cụ B, trông vườn, bà nhận tiền của bà Tr từ năm 2009 đến tháng 9/2020. Ngày 16/12/2016 cụ B chết, bà Tr vẫn tiếp tục thuê bà để trông coi nhà, vườn và nhan nhái cho ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Ph công trình bày: Qua trao đổi giữa anh S, anh H và vợ chồng anh thống nhất phần đất 65,9m² và diện tích 43,6m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh, chị thuộc quyền sử dụng của anh, chị. anh S, anh H không tranh chấp đồng ý để anh, chị tiếp tục sử dụng. Ngày 20/12/2021 Tòa án có xem xét thẩm định tại chỗ lại và thống nhất các phần đất nêu trên không còn tranh chấp nữa. Không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này mà cũng không có tranh chấp gì đối với phần đất mà các bên bà Tr, anh S, anh H đang tranh chấp. Yêu cầu giải quyết vắng mặt anh, chị đến khi kết thúc vụ án.

Người làm chứng anh Lê Hoàng Ph có lời khai: Vào năm 2010 anh làm công chức Tư pháp tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phú Quốc (nay là thành phố P) đến năm 2012 cụ Lê Thị B có đến Ủy ban nhân dân xã D để lập di chúc, cụ B có gặp anh và trình bày sự việc là trước đây vợ chồng cụ B, cụ Th có lập tờ di chúc cho toàn bộ diện tích đất của vợ chồng cụ B là bà Nguyễn Thị Tr nhưng bà Tr đã đem toàn bộ thủ tục tặng cho sang nước ngoài, không quan tâm và chăm sóc cụ B, nay chồng cụ B là cụ Th đã chết, cụ B không ai chăm sóc nay có hai người cháu là anh H và anh S tới lui chăm sóc khi bị ốm đau nên cụ B đến Ủy ban nhân dân xã D hủy 1 tờ di chúc trước đó và bà lập di chúc mới để cho lại anh H và anh S phần tài sản của cụ B. Tại thời điểm lập hai văn bản hủy di chúc cũ và lập di chúc mới cùng ngày 23/11/2012 của cụ Lê Thị B thì anh xác định cụ B vẫn còn khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn, sáng suốt, cụ B còn trình bày toàn bộ sự việc cho anh biết và anh soạn thảo văn bản hủy bỏ di chúc và lập lại di chúc mới cùng ngày 23/11/2012 chỉ có mặt cụ B. Sau đó, anh yêu cầu cụ B về nhà do cụ B đã lớn tuổi, sau khi anh soạn thảo lập thủ tục hủy bỏ di chúc và tờ di chúc cùng ngày 23/11/2012 anh đem xuống nhà của cụ Lê Thị B ở ấp Đ, khi đó có hai người là ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn M, cụ Lê Thị B và có một người đang nuôi bà B (anh không biết tên) và có đọc văn bản hủy bỏ di chúc cũ và di chúc mới cùng ngày 23/11/2012 cho tất cả mọi người có mặt cùng nghe và thống nhất ký tên vào hai văn bản nói trên, sau đó anh đem hai văn bản này về trình cho ông Ngô Triệu C là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D ký hai văn bản trên. Anh cam đoan lời khai của anh là khai báo trung thực và chịu trách nhiệm trước lời khai của mình.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông là hàng xóm của cụ B, cách nhà của cụ B một thửa đất, về nguồn gốc đất là do cụ B, cụ Th tự khai khẩn từ thời chiến tranh trước năm 1975, vợ chồng cụ B, cụ Th có một người con chung duy nhất tên Mục, chết trước năm 1975 (không có vợ, con) nay là liệt sĩ (cụ Ba là mẹ Việt Nam Anh hùng. Theo ông được biết trước đây bà Tr có đi vượt biên sang nước ngoài sinh sống (khoảng năm 1976 hoặc năm 1977) sau này bà Tr về Việt Nam thì cụ Th, cụ B có làm di chúc cho cháu là bà Tr toàn bộ diện tích đất mà cụ Th và cụ B đang sử dụng, sau đó cụ Th chết (không nhớ năm), đến năm 2012 thì cụ B có làm văn bản hủy bỏ di chúc tài sản của di chúc cũ trước đây đã làm tặng cho bà Tr và làm tờ di chúc mới lấy 2 tài sản của cụ B di chúc lại cho anh S, anh H có nhờ ông làm chứng. Ông có đọc hai văn bản là tờ hủy di chúc và di chúc cùng ngày 23/11/2012 tại nhà của cụ B, lúc này sức khỏe của cụ B vẫn bình thường, ông không biết ai soạn thảo văn bản tờ hủy di chúc và di chúc mới cùng ngày 23/11/2012. Lúc đó có anh S, anh H nhờ ông lại nhà của bà B để làm chứng thì có những người làm việc tại Ủy ban nhân dân xã D, gồm ông C, có 02 đến 03 người (do lâu quá ông không nhớ tên), ông có nghe đọc 02 văn bản trên nên ông đồng ý ký tên là người làm chứng, ông xác nhận chữ ký và chữ viết họ tên của hai văn bản trên là của ông ký và viết ra. anh H là cháu rể của cụ B, cụ Th, trước đây cụ Th còn sống thì chỉ có vợ chồng cụ B, cụ Th sống chung với nhau, con cháu chỉ tới lui thăm rồi về. Đến khi cụ Th chết thì ông thấy bà Thiều (Lem) là chị ruột của anh S trực tiếp chăm sóc cụ B, đến năm

2016 cụ B chết thì bà Tr không về làm tang lễ cho cụ B mà do anh S, anh H làm tang lễ, căn nhà trên đất tranh chấp là căn nhà tình nghĩa và nối liền là mái nhà tự cất của cụ B, cụ Th, nay bà Thiêu vẫn còn ở trong căn nhà này, ông không biết bà Thiêu ở căn nhà này có ai thuê hay không, chỉ biết bà Thiêu là cháu của cụ B đến chăm sóc cụ B. Do tình trạng sức khỏe của ông yếu nên ông không có điều kiện đến tham gia phiên tòa được nên ông xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Ông là cựu chiến binh, trước đây ông cùng đi kháng chiến chung với cụ Trương Hữu Th (chồng của cụ B), ông ở cùng ấp, xã với cụ B, cụ Th. Về nguồn gốc đất tranh chấp theo ông biết là do cụ B, cụ Th tự khai khẩn từ thời chiến tranh trước năm 1975, vợ chồng cụ B, cụ Th có một người con chung tên Mực, chết trước năm 1975 (không có vợ, con) nay là liệt sĩ (cụ Ba là mẹ Việt Nam Anh hùng. Theo ông được biết trước đây bà Tr có đi vượt biên sang nước ngoài sinh sống (khoảng năm 1976 hoặc 1977) sau này về thì cụ Th, cụ B có làm di chúc cho cháu là bà Tr, toàn bộ diện tích đất mà hai cụ đang sử dụng, sau đó cụ Th chết, đến năm 2012 thì cụ B có làm văn bản hủy bỏ di chúc 2 tài sản của di chúc cũ trước đây đã làm tặng cho bà Tr và làm tờ di chúc mới có nhờ ông và ông Nguyễn Văn M làm chứng, ông xác nhận chữ ký và chữ viết họ tên của hai văn bản trên là của ông ký và viết ra. Ông có đọc hai văn bản là tờ hủy di chúc và di chúc cùng ngày 23/11/2012 tại nhà của cụ B, lúc này sức khỏe của cụ B vẫn bình thường, minh mẫn, sáng suốt và vẫn còn đi tới lui bình thường, anh H, anh S soạn thảo văn bản tờ hủy di chúc và di chúc cùng ngày 23/11/2012 và ông H có đọc cho cụ Ba và mọi người cùng nghe thì cụ B đồng ý và cụ B nhờ ông và ông Mẹo ký và làm chứng hai văn bản nói trên. Ông H là cháu rể của cụ B, cụ Th, trước khi cụ Th còn sống thì chỉ có vợ chồng cụ B, cụ Th sống chung với nhau, con cháu chỉ thăm rồi về. Đến khi cụ Th chết thì ông thấy anh H với anh S trực tiếp chăm sóc cụ B đến khi cụ B yếu thì ông thấy bà Nguyễn Thị Th (Lem) là chị ruột của anh S đến chăm sóc cụ B cùng với anh H, anh S. Đến năm 2016 cụ B chết thì bà Thiêu vẫn ở căn nhà đó đến nay. căn nhà trên đất tranh chấp là căn nhà tình nghĩa và nối liền là mái nhà tự cất của cụ B, cụ Th. Theo ông, cụ B lập di chúc mới cho anh H, anh S 2 diện tích đất của vợ chồng cụ Th, cụ B là đúng pháp luật vì trong thời gian này bà Tr ở nước ngoài không trực tiếp chăm sóc cụ B mà chỉ có anh H, anh S trực tiếp chăm sóc cụ B nên cụ B lập di chúc cho anh H, anh S là đúng theo ý chí, nguyện vọng của cụ B và phù hợp với quy định của pháp luật nên ông mới đồng ý ký tên làm chứng. Do tình trạng sức khỏe yếu nên không có điều kiện tham gia phiên tòa, ông xin được xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 99, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 244, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

- Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 648, 649, 650, 652, 653, 656, 657, 658, 662 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi, Điều 5 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2009 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr đối với anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S về việc yêu cầu công nhận văn bản hủy di chúc ngày 23/11/2012 và công nhận di chúc 23/11/2012 của cụ Lê Thị B là hợp pháp.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 5.856,3m² (trong đó có 200m đất ở nông thôn) tọa lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho anh Phạm Ngọc H và anh Nguyễn Thái S quản lý, sử dụng. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 366 – 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Kiên Giang ngày 24/12/2021 diện tích đất có số đo cụ thể:

Cạnh 1 - 2 = 26,49m giáp đất của bà Lê Thị Th; Cạnh 2 – 3 = 23,40m giáp đất của bà Lê Thị Th; Cạnh 3 – 4 = 21,51m giáp đất của bà Lê Thị Th;

Cạnh 4 – 5 = 65,06m giáp đất không tranh chấp diện tích 5.763,9m² do bà Nguyễn Thị Tr được thừa kế.

Cạnh 5 – 6 = 4,03m giáp đất của anh Nguyễn Văn T; Cạnh 6-7 = 8,41m giáp đất của anh Nguyễn Văn T; Cạnh 7- 8 = 4,67m giáp đất của anh Nguyễn Văn T; Cạnh 8 – 9 = 15,51m giáp đất của anh Nguyễn Văn T; Cạnh 9 – 10 = 4,50m giáp đất của anh Nguyễn Văn T; Cạnh 10 – 11 = 5,45m giáp đất của anh Nguyễn Văn T; Cạnh 11 – 12 = 39,22m giáp đất của anh Nguyễn Văn T; Cạnh 12 - 13 = 0,97m giáp đất của ông Nguyễn Tiến Đích; Cạnh 13 – 18 = 6,63m giáp đất của ông Nguyễn Tiến Đích; Cạnh 18 – 19 = 3,16m giáp đất của ông Nguyễn Tiến Đích; Cạnh 19 – 20 = 8,63m giáp đất của ông Nguyễn Tiến Đích; Cạnh 20 – 21 = 33,54m giáp đất của ông Lê Văn Lộc; Cạnh 21 – 22 = 13,61m giáp đất của ông Lê Văn Lộc; Cạnh 22 – 1 = 19,77m giáp đất của bà Tô Thị Thu Hà;

Giữ nguyên hiện trạng diện tích 97,4m² gắn liền với căn nhà cấp 4 có tường gạch, mái tol, nền gạch mem, sân và nhà bếp làm bằng mái tiền chế cất trên phần đất mà anh S, anh H được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Lê Thị B để lại, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang do anh Nguyễn Thanh L, chị Trần Thị Ngọc S đang quản lý, sử dụng.

Các cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự cho đúng với diện tích đất thực tế đang sử dụng khi đương sự có yêu cầu.

3. Ghi nhận tự nguyện của bị đơn anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S về việc xác định 200m² đất ở (nằm trong diện tích 5763,9m²) đất không tranh chấp tọa lạc tại ấp Đ, xã D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang do cụ Trương Hữu Th di chúc cho bà Nguyễn Thị Tr.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S giao lại giá trị căn nhà của cụ Nguyễn Thị Ba là 36.729.411 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm mười một đồng) cho bà Nguyễn Thị Tr. Bị đơn anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S được quyền quản lý, sử dụng căn nhà tình nghĩa và nối liền là mái nhà tự cất 147,72m² do cụ Nguyễn Thị Ba để lại nằm trong phần diện tích đất cụ B di chúc lại cho anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S giao lại là giá trị các loại cây trồng trên đất là 29.210.000 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm mười nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Tr. Bị đơn anh Phạm Ngọc H, anh Nguyễn Thái S được quyền sử dụng các loại cây trồng trên phần đất được công nhận nêu trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; Về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/4/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/4/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện bà Tr yêu cầu kháng cáo, cụ thể sau: Yêu cầu tuyên 2 văn bản hủy di chúc và di chúc do cụ Lê Thị B xác lập vào cùng ngày 23/11/2012 vô hiệu là vô hiệu. Công nhận tờ di chúc do cụ Trương Hữu Th, cụ Lê Thị B lập ngày 03/10/2003 cho bà Tr được thừa kế đất và nhà ở hợp pháp, buộc ông S và ông H thu dọn các công trình xây dựng nhà trái phép tại thửa đất trên để giao trả đất cho bà Tr.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại thời điểm chứng thực Văn bản hủy bỏ di chúc và Di chúc cụ Lê Thị B lập cùng ngày 23/11/2012, UBND xã D không thực hiện đúng quy định của pháp luật, cụ thể không yêu cầu người yêu cầu chứng thực xuất trình đủ các giấy tờ cần thiết để kiểm tra nguồn gốc tài sản theo Văn bản hủy bỏ di chúc cũ và Di chúc mới. Đồng thời, cụ B không xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 85 (bản gốc) và Tờ di chúc ngày 03/01/2003 là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 7, Điều 37, Điều 38, khoản 1 Điều 41 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực.

Di chúc lập ngày 23/12/2012 cụ Lê Thị B để lại phần đất diện tích 6.278,3m² cho ông S, ông H. Nhưng cụ B chưa thực hiện các thủ tục khai nhận di sản thừa kế để đứng tên hợp pháp đối với thửa đất trên. Di chúc ngày 03/01/2003 bà Tr vẫn đang giữ. Do vậy, Chủ tịch UBND xã D chứng thực Văn bản hủy bỏ di chúc, Di chúc mới cùng ngày 23/11/2012 là trái quy định nên không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 75/2000. Các đương sự có lời khai mâu thuẫn nhau chưa được đối chất làm rõ. cụ B gần 89 tuổi nhưng không có người giám hộ chứng kiến. Theo lời khai của những bà con họ hàng thì cụ B lúc nhớ, lúc quên thời gian từ năm 2010 đến khi mất. Đồng thời, tại Giấy khám sức khỏe của cụ B lập ngày 20/11/2012 của Bệnh viện Đa khoa Phú Quốc không có chữ ký tên hay điểm chỉ của cụ B là không đúng quy định. Như vậy có cơ sở khẳng định Văn bản hủy bỏ Di chúc và Di chúc lập ngày 23/11/2012 không hợp pháp, không có hiệu lực pháp luật dẫn đến vô hiệu. Khi đo đạc thực tế diện tích đất 11.620,2m² chênh tăng thêm 820,2m² so với GCNQSDĐ cấp cho cụ Th nhưng Tòa án sơ thẩm không làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S, ông H nhưng lại chia cho ông S, ông H diện tích đất 5.856,3m² nhiều hơn diện tích đất còn lại theo Tờ trích đo địa chính ngày 24/12/2021 diện tích 5.763,9m² đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Tòa án sơ thẩm không thu thập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của cụ Trương Hữu Th và đưa ông Nguyễn Văn Nghé vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của luật sư, đại diện Viện kiểm sát, đương sự.

+ Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về thẩm quyền, về thời hiệu, về việc xét xử vắng mặt, hoà giải vắng mặt các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 38; Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là có căn cứ

+ Về nội dung:

[1] Về mối quan hệ giữa nguyên đơn, bị đơn cùng là cháu của cụ Trương Hữu Th và cụ Lê Thị B. Cụ Trương Hữu Th và cụ Lê Thị B là vợ chồng.

[2] Các vấn đề mà đương sự đều thống nhất không cần chứng minh:

[2.1] Cụ Trương Hữu Th và cụ Lê Thị B là vợ chồng, có một con chung, đã mất từ nhỏ.

[2.2] Nguồn gốc diện tích đất 10.800 m² (đo đạc thực tế 11.620,1m²) thửa 85, tờ bản đồ số 01 tại ấp Đ, xã D, thành phố P là của cụ Th và cụ B.

[2.3] Một di chúc do cụ Th và cụ B cùng lập ngày 03/01/2003 để lại di sản cho bà Tr; Một văn bản hủy bỏ di chúc ngày 23/11/2012 đối với ½ tài sản của cụ

B đã lập vào ngày 03/01/2003 cho bà Tr; Một di chúc do cụ B lập ngày 23/11/2012 để lại ½ di sản mà cụ đã huỷ đối với di chúc ngày 03/01/2003 cho ông S, ông H.

Đây là các chứng cứ được các đương sự thừa nhận theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên không cần chứng minh.

[3] Xét kháng nghị và yêu cầu kháng cáo của bà Tr thì thấy:

[3.1] Để một bản di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 652, Điều 658 (thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc UBND xã, phường, thị trấn) Bộ luật dân sự năm 2005:

“Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau:

a/ Người lập di chúc phải minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép

b/ Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định pháp luật.

Theo quy định tại Điều 658:

1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình, công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn ký vào di chúc...”

Người lập di chúc phải có những giấy tờ sau:

- Chứng minh thư hoặc giấy tờ tùy thân...

- Bản chính giấy tờ hợp lệ chứng minh quyền sở hữu và quyền sử dụng tài sản để lại thừa kế.

- Các giấy tờ chứng minh tài sản chung hay tài sản riêng ...

- Giấy khám sức khỏe của người lập di chúc (do Bệnh viện hoặc trung tâm y tế cấp quận/ huyện lập)

Xem xét lại việc lập 2 văn bản huỷ bỏ di chúc và di chúc ngày 23/11/2012. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại thời điểm cụ Lê Thị B lập di chúc thì cụ B 88 tuổi, 10 tháng 19 ngày. Theo giấy khám sức khỏe của cụ B lập ngày 20/11/2012 không có chữ ký hay điểm chỉ của cụ B hoặc chữ ký tên của người giám hộ (hay người đang chăm sóc) là chưa đúng quy định theo Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21/7/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe. Ngoài ra, theo giấy khám sức khỏe của cụ B lập ngày 20/11/20012 của Bệnh viện Đa khoa Phú Quốc thể hiện mắt phải của cụ B bị hỏng, mắt trái giảm thị lực, tai thì giảm thính.

Tại thời điểm chứng thực Văn bản huỷ bỏ di chúc và di chúc do cụ Lê Thị B lập cùng ngày 23/11/2012, Chủ tịch UBND xã D đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 37, Điều 38 Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Cụ thể: Chủ tịch UBND xã D không yêu cầu cụ B xuất trình giấy chứng nhận QSDĐ (bản gốc) để kiểm tra nguồn gốc, tính xác thực, tính hợp pháp đối với tài sản của người để lại tài sản; không cung cấp bản di chúc trước đây đã lập vào ngày 03/01/2003 để biết rõ nội dung di chúc này như thế nào để huỷ bỏ một phần di chúc đó. Điều này chứng minh qua lời khai của ông Ngô Triệu C (chủ tịch xã D lúc bấy giờ) là ông không biết cụ Th và cụ B lập di chúc để lại phần đất cho bà Tr vào ngày 03/01/2003 chỉ nghe cán bộ tư pháp xã (ông Phong) nói lại.

Theo lời khai của ông Lê Hoàng Ph (cán bộ tư pháp xã D lúc bấy giờ) xác định: ngày 23/11/2012 một mình cụ Lê Thị B đến UBND xã yêu cầu lập 2 văn bản nói trên, ông Phong thấy cụ B lớn tuổi nên kêu cụ B về, cùng ngày ông Phong soạn thảo 2 văn bản huỷ bỏ di chúc và di chúc rồi đến nhà cụ B có mặt cụ B và hai người làm chứng là ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn M. Ông Phong đọc các văn bản này cho tất cả nghe và ký tên, xong ông mang 2 văn bản này về trình Chủ tịch xã là ông Ngô Triệu C ký chứng thực. Lời xác nhận này của ông Phong về việc soạn thảo và ký xác nhận trên của ông Phong và ông C đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 (Thời điểm lập di chúc Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật). Tại Điều 658 Bộ luật dân sự quy định thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: *“1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chỉ của mình, công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn ký vào di chúc...”*.

Theo lời khai của hai người làm chứng là ông Nguyễn Văn Ch và ông Nguyễn Văn M thì xác định: Văn bản huỷ bỏ di chúc và di chúc lập cùng ngày 23/11/2012 là do ông S và ông H soạn thảo tại nhà cụ B, ông H đọc cho mọi người cùng nghe; ông Mẹo còn khai ông được ông S và ông H nhờ đến nhà cụ B làm chứng có mặt ông C (chủ tịch xã) và một số người khác. Căn cứ lời khai này của người làm chứng thì việc ông S và ông H trực tiếp thực hiện các thủ tục huỷ bỏ di chúc cũ và lập di chúc mới nói trên, tự chọn và nhờ người làm chứng trong khi người được chỉ định hưởng di sản trong di chúc là chính các ông thì sẽ không vô tư khách quan.

Đối chiếu các quy định về một di chúc hợp pháp với diễn biến quá trình lập 2 văn bản huỷ bỏ di chúc và di chúc ngày 23/11/2012 cụ B không đảm bảo tính khách quan, không đúng quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực, không đúng quy định tại Điều 652, Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về di chúc hợp pháp. Nên 2 văn bản nói trên không hợp pháp dẫn đến vô hiệu. Xét thấy, chúng cứ đối với việc lập 2 văn bản trên chỉ căn cứ vào các lời khai

của ông C, ông Ph, ông Ch, ông M thì các lời khai về việc ai lập các văn bản trên đều mâu thuẫn, không đảm bảo tính khách quan và đúng pháp luật. Nếu hủy án trả hồ sơ về cho Tòa án sơ thẩm cũng không thể làm rõ hơn. Nên không cần thiết phải hủy bản án như đề nghị của Viện kiểm sát. Do đó, có cơ sở chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc vô hiệu 2 văn bản hủy bỏ di chúc và di chúc cùng ngày 23/11/2012.

Do xác định 2 văn bản hủy bỏ di chúc và di chúc ngày 23/11/2012 vô hiệu. Nên di chúc ngày 03/01/2003 do cụ Trương Hữu Th và cụ Lê Thị B lập là di chúc hợp pháp và có hiệu lực kể từ ngày cụ B mất theo quy định tại Điều 667, 668 Bộ luật dân sự năm 2005. Hay nói cách khác công nhận quyền thừa kế của nguyên đơn đối với 10.800 m² đất và nhà tại thửa 85, tờ bản đồ số 01, đất tại ấp Đ, xã D cho nguyên đơn. Buộc ông S và ông H di dời các công trình xây dựng nhà trên thửa đất để giao lại cho nguyên đơn.

Riêng phần đất 97,4m² gắn liền với căn nhà cấp 4 của vợ chồng anh Nguyễn Thanh L, chị Trần Thị Ngọc S thì các đương sự thống nhất không tranh chấp và không ai kháng cáo, nên hội đồng xét xử giữ nguyên, không xem xét.

Những căn nhà, những cây trồng trên đất theo biên bản thẩm định tại chỗ của toà án cấp sơ thẩm không phải của ông S và ông H tạo lập do cụ B để lại thì giữ nguyên hiện trạng giao cho nguyên đơn.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì không làm rõ phần đất dôi ra so với QSDĐ được cấp và không đưa ông Nghé vào tham gia tố tụng là không cần thiết. Nên không chấp nhận đề nghị này của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí:

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Thái S và Phạm Ngọc H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr.

Tuyên bố 02 văn bản hủy bỏ di chúc và di chúc cùng ngày 23/11/2012 vô hiệu.

Công nhận di chúc do cụ Trương Hữu Th và cụ Lê Thị B lập ngày 03/01/2003 cho bà Nguyễn Thị Tr được thừa kế đất và nhà ở hợp pháp. Công nhận quyền được thừa kế diện tích 10.800m² (đo đạc thực tế 11.620,2m²) và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 85, tờ bản đồ số 01 tại Đường Bào, xã D cho bà Nguyễn Thị Tr.

Buộc ông Nguyễn Thái S và ông Phạm Ngọc H di dời toàn bộ tài sản và vật kiến trúc gắn liền với phần đất (nếu có) theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang và tờ trích đo địa chính số TĐ 366-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Kiên Giang ngày 24/12/2021 kèm theo.

Giữ nguyên hiện trạng diện tích 97,4m² gắn liền với căn nhà cấp 4 có tường gạch, mái tol, nền gạch men, sân và nhà bếp làm bằng mái tiền chế cất trên thửa đất số 85 mà bà Tr được thừa kế tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do anh Nguyễn Thanh L, chị Trần Thị Ngọc S đang quản lý, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị Tr được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Ngọc H và ông Nguyễn Thái S về việc yêu cầu công nhận hủy văn bản di chúc ngày 23/11/2012 và công nhận di chúc 23/11/2012 là hợp pháp.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thái S và Phạm Ngọc H mỗi người phải chịu 300.000 đồng
- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tr không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự (6)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thanh Duyên